

Phụ lục 1: Danh mục hệ thống công trình cần đầu tư giai đoạn 2019 – 2020

TT	Công trình	Vị trí	Dự kiến xây dựng	
			2019	2020
1	Hệ thống công trình giảm áp lực lũ qua đường tuần biên			
	Nạo vét mở rộng và xây dựng cầu giao thông K. Thủy lợi 5; K. Thủy lợi 6, 7; K. Cá Rô.	TX. Hồng Ngự	x	x
2	Hệ thống công trình thoát lũ ra sông Tiền			
	Nạo vét mở rộng K. Đốc Vàng Thượng; K. Đốc Vàng Hạ; K. Nguyễn Văn Tiếp.	Thanh Bình	x	x
3	Hệ thống công trình chống sạt lở bờ sông			
	Hệ thống công trình bảo vệ thành phố Cao Lãnh và các khu dân cư xung yếu khác; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Bình Thành; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Hòa An.	TP. Cao Lãnh; Thanh Bình	x	x
4	Khu sinh thái kết hợp làm hồ trữ nước tự nhiên			
	Khu sinh thái TP. Cao Lãnh	TP. Cao Lãnh	x	x
5	Nạo vét hệ thống kênh các cấp còn lại			
5.1	Kênh cấp 1			
1	Kênh Kháng Chiến; Kênh ranh TN-TB; Kênh Tân Công Sính 2 -Giữa Lô Ba; Kênh Ranh HN-TH-TN (K. An Phước); Kênh Tư Mới; Kênh ranh Tháp Mười-Tân Thạnh (3 Kênh); Kênh Tân Công Sính 1; Kênh Phú Thành 1, 2, 3.	Liên huyện	x	
2	Kênh Nguyễn Văn Tiếp A; Kênh Bông Súng-Kênh Cùg-Long Thắng; Kênh Phú Đức; Kênh ranh Đường Gạo; Rạch Mã Trường	Liên huyện		x
5.2	Kênh cấp 2			
1	Kênh Mương Khai; Kênh Tây Xếp; Rạch Sộp; Kênh K6; Kênh Chín Cai; Kênh Ngã Đồng; Kênh Ông Hai; Kênh Lung Mây; Rạch Xẻo Dừa.	Cao Lãnh	x	
2	Kênh Tây Cáp; Kênh Chiến Lược; Kênh Ông Cùg; Rạch Ông Xuân.	Cao Lãnh		x
3	Kênh Đồn Điền; Rạch Cây Sậy; Rạch Ông Yên; Mương Xẻo Trai; Rạch Bà Xã; Rạch Ngã Hoác - Cả Trầu.	Châu Thành	x	
4	Rạch Giồng Nổi; Mương Quẹo; Rạch Hai Sang; Rạch Bà Gắn.	Châu Thành		x
5	Kênh Tư Giảo; Kênh Xẻo Cạn; Kênh K500; Kênh Ranh Tân Phú Trung - Tân Thành;	Lai Vung	x	
6	Kênh ả Rặt; Kênh Xếp Lớn; Kênh Xẻo Lá; Kênh Ba Phước	Lai Vung		x
7	Rạch Mương Chùa; Kênh Sáu Bầu; Rạch Mương Trâu - Cái Tôm; Kênh Rạch Lung Độn; Kênh Thái Thuận; Kênh số 11; Rạch Quao; Kênh Bảy Sa.	Lấp Vò	x	
8	Rạch Rau Cần; Rạch Trà Bông; Kênh Hòa Long - Xẻo Núi; Kênh Vĩnh Thuận; Kênh 26/3 Bình Thành.	Lấp Vò		x
9	Kênh Tư Trãi; Kênh 1/5 nổi dài.	Tam Nông	x	
10	Kênh Ngọ Cả Môn; Kênh Cù Lao Chim	Tam Nông		x
49	Kênh Huyện Hy; Kênh Lòng Hồ	Thanh Bình	x	
51	Rạch Mương Chùa	Thanh Bình		x
52	Kênh Bù; Kênh Năm Tôn; Kênh Ranh Trường; Kênh Phong Tắt Phèn Xuân - Thạnh Lợi; Kênh 500 Tân Kiều	Tháp Mười	x	
57	Kênh lộ Mới; Rạch Sáu Quốc; Rạch Bần	TP. Cao Lãnh	x	
60	Rạch Bà Lài; Rạch Mương Khai - Năm Nghị.	TP. Sa Đéc	x	
62	Kinh Cùg Kho Bể; Kênh TX. Hồng Ngự	TX. Hồng Ngự	x	

6	Hệ thống ô bao kiểm soát lũ			
6.1	Ô bao KSL tháng 8			
1	CL_12	Cao Lãnh	x	
2	CL_1; CL_49	Cao Lãnh		x
3	HN_14; HN_8; HN_15	Hồng Ngự		x
4	TN_10; TN_30	Tam Nông	x	
5	TN_11; TN_3; TN_7; TN_16; TH_15; TH_23	Tam Nông		x
6	TB_5; TB_10; TB_36	Thanh Bình		x
6.2	Ô bao KSL chủ động			
1	CL_34; CL_38; CL_42	Cao Lãnh		x
2	HN_9	Hồng Ngự		x
3	TN_37	Tam Nông	x	
4	TN_22; TN_38; TN_25; TN_36.	Tam Nông		x
5	TH_26; TH_10	Tân Hồng	x	
6	TM_17; TM_22; TM_1; TM_4; TM_5.	Tháp Mười	x	
6.3	Ô bao KSL triệt đề			
1	CL_20; CL_22; CL_55	Cao Lãnh	x	
2	CL_27; CL_16; CL_53; CL_56; CL_60; CL_62; CL_63; CL_68.	Cao Lãnh		x
3	CT_15; CT_17; CT_19.	Châu Thành	x	
4	CT_2; CT_4; CT_10; CT_12; CT_16; CT_22; CT_27; CT_31; CT_34;	Châu Thành		x
5	HN_3; HN_4	Hồng Ngự		x
6	LVu_12	Lai Vung		x
7	LVu_13; LVu_21; LVu_22;	Lai Vung	x	
8	LVu_1; LVu_3; LVu_7; LVu_12; LVu_15; LVu_17; LVu_23; LVu_29	Lai Vung		x
9	LH_12	Lai Vung, Châu Thành		x
10	LVo_7; LVo_18; LVo_19	Lấp Vò	x	
11	LVo_3; LVo_4; LVo_11; LVo_13; LVo_23; LVo_25 LVo_27; LVo_32	Lấp Vò		x
12	LH_4	Lấp Vò, Lai Vung		x
13	TH_7	Tân Hồng		x
14	TB_26	Thanh Bình	x	
15	TB_24; TB_25; TB_28; TB_32; TB_33	Thanh Bình		x
16	TPSD_3	TP. Sa Đéc	x	

Phụ lục 2: Danh mục hệ thống công trình cần đầu tư giai đoạn 2021 – 2030

TT	Công trình	Vị trí	Dự kiến xây dựng	
			2021-2025	2026-2030
1	Hệ thống công trình chuyển lũ sang VCT			
1.1	K. Hồng Ngự - Vĩnh Hưng; Sông Sở Hạ; Kênh Phước Xuyên	Liên huyện	x	
1.2	Sông Sở Thượng; Rạch Cái Cái; Kênh Tân Thành - Lò Gạch	Liên huyện		x
2	Hệ thống công trình thoát lũ ra sông Tiền			
1	K. Đốc Vàng Thượng; K. Đốc Vàng Hạ; R. Cái Tre; Ngọn Cái Dầu - K. Giáo Đường; K. Cái Bèo	Thanh Bình	x	
6	K. 307; Sông Cao Lãnh; K. Nguyễn Văn Tiếp; Kênh Trà Đư - Cây Đa	Thanh Bình; Cao Lãnh; Hồng Ngự		x
III	Hệ thống công trình chống sạt lở bờ sông			
1	Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực phường An Lạc; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Long Thuận; Khẩn cấp khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Cái Vừng xã Long Thuận; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Hòa An; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực phường 11 - Khu công nghiệp Trần Quốc Toản; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã An Phong - đoạn 1; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Phong Mỹ; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Tân Thuận Đông - đoạn 2; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã An Hiệp; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Tân Bình; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Tân Thuận Đông - đoạn 1.	TX. Hồng Ngự; Hồng Ngự; TP. Cao Lãnh; Thanh Bình; Châu Thành	x	
4	Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Tân Quới; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Bình Thành; Công trình Xử lý khẩn cấp sạt lở đất bờ sông Tiền khu vực xã An Hiệp; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Thường Phước 1; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Thường Lạc; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Long Khánh A; Kè phân dòng đầu cù lao Long Khánh; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực đầu cù lao Châu Ma; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã An Phong- đoạn 2; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực phường 11; Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Tân Mỹ.	Thanh Bình; Châu Thành; Hồng Ngự; TP. Cao Lãnh; Lấp Vò		x
IV	Hệ thống kênh nối sông Tiền - sông Hậu			
1	R. Cái Tàu Thượng; Sg. Lấp Vò - K. Xáng Lấp Vò	Liên huyện	x	
3	Sông Sa Đéc; Kênh Dương Hòa - Long Thắng	Liên huyện		x
V	Khu sinh thái kết hợp làm hồ trữ nước tự nhiên			
1	Khu sinh thái huyện Tân Hồng; Khu sinh thái TX. Hồng Ngự; Khu sinh thái huyện Hồng Ngự; Khu sinh thái huyện Tam Nông; Khu sinh thái huyện Tháp Mười; Khu sinh thái huyện Thanh Bình; Khu sinh thái huyện Cao Lãnh; Khu sinh thái TP. Cao Lãnh; Khu sinh thái huyện Lấp Vò; Khu sinh thái huyện Lai Vung; Khu sinh thái TP. Sa Đéc; Khu sinh thái huyện Châu Thành	Tân Hồng; TX. Hồng Ngự; Hồng Ngự; Tam Nông; Tháp Mười; Thanh Bình; Cao Lãnh; TP. Cao Lãnh; Lấp Vò; Lai Vung; TP. Sa Đéc; Châu Thành.		x
4	Nạo vét hệ thống kênh các cấp còn lại			
4.1	Kênh cấp 1			
1	Kênh Đường Thét - Cần Lố; Kênh số 1; Kênh 27Kênh Bà Thâm - Xã Hời; Rạch Xẻo Muồng - Kênh Láng Biển; Kênh Bình Thành 4; Kênh Cà Dâm; Kênh Lung Bông; Kênh Hội Đồng TườngRạch; Chùa Cái Đôi; Kênh Thầy Lâm; Kênh Tầm Vu; Kênh Mười Tãi; Kênh Hội Kỳ I; Kênh Giữa Lô Ba; Kênh 17; Kênh Phò Cừ; Kênh Bờ Đai; Kênh Họa Đồ; Kênh Thanh Mỹ; Kênh Ba Mỹ Điền; Kênh Cái Cỏ; Kênh Ranh (Phong Mỹ);	Liên huyện	x	

TT	Công trình	Vị trí	Dự kiến xây dựng	
			2021-2025	2026-2030
	Rạch Ngã Cay - Báo Bùn; Kênh Cái Mít; Kênh Cây Bàng; Kênh Lung Cá Trê; Rạch Xếp Cái Dầu; Kênh Cái Tắc; Kênh Giữa + Quán Tre; K. Phú Thạnh; Kênh 8000; Rạch An Phước - Tân Thạnh; Rạch Cả Ngổ; Kênh Hai Hiên; Rạch Cái Sơn - Ông Phật; Kênh Rạch Chùa; Kênh Hòa Long - Xẻo Núi; Kênh Cái Dầu; Rạch Ông Bồi; Rạch Mương Kinh; Rạch Bà Học; Kênh Ranh Phú Thành B - Phú Hiệp; Kênh Cà Râm; Rạch Sông Lưu; Rạch Bà Học; Kênh Ranh Phú Thành B - Phú Hiệp; Kênh Cà Râm; Rạch Sông Lưu; Kênh Hộ Xã Đường; Kênh Tân Phú; Kênh Rạch Bân; Rạch Lấp Vò			
2	Kênh Phú Hiệp; Kênh Sa Rài; Rạch Tân Bình - kênh Tư; Kênh Nhì; Rạch Sa Huỳnh - Xẻo Quít; Rạch Cái Tre; Kênh 7 Thước giáp Động Cát; Kênh Bình Thạnh 3; Kênh Tư Cũ; Kênh Cái Tre; Kênh ranh TN-TM; Kênh 1000 Phú Điền; Kênh Ba Càng (Mới); Kênh Công Sự; Kênh An Long; Rạch Xẻo Trầu - An Phú Thuận; Rạch Lai Vung; Kênh Thường Phước - Mỹ Cân; Kênh Cái Quýt; Kênh 1/5; Kênh Đường Gạo; Kênh Mương Trầu; Rạch Cần Thơ (Pe Le); Kênh Năm Đốc Bình Kiều; Kênh Cái Bường; Kênh Nhà Báo; Kênh Điền Tây Dưới; Rạch Cái Dầu Bé (Kênh 90); Kênh 2/9 - Ngã Ba Tháp; Kênh K4; Kênh K1; Kênh K2; Kênh 12000; Kênh Cây Vồng; Kênh Chà; Kênh Ba Tâm; Kênh Cái Dứa; Kênh Việt Kiều; Kênh Kho; Rạch Cái Tôm; Kênh Ngã Bát; Kênh Ruột Ngựa; Kênh Gò Đuôi Tôm; Kênh Năm Thạnh Mỹ; Kênh 7 Thước (xã Láng Biển); Kênh Tân Hòa; Kênh Đồn Đông; Sông Cầu Muống; Kênh Thành Lập 2; Kênh Bốn Thước; Kênh Hợp Tác Xã; Kênh Bà Phũ; Kênh Gò Cồng Hàng Tràm	Liên huyện		x
3	Kênh Tứ Tân; Kênh Phú An; Kênh Cả Tráp 1; Kênh Bu Hồ; Kênh Xếp Lát; Rạch Chùa; Kênh 5 Tắt	Liên huyện	x	
4	Rạch Tứ Quý - Ông Quế; Kênh Biên Giới; Rạch Cái Cái; Kênh 13 B + KôBe Dự án; Sông Hồ	Liên huyện		x
5	Kênh Cái Bí; Kênh Đạo Nằm; Rạch Cả Môn; K. Hào Huyện	Liên huyện	x	
6	Kênh Trầu Trắng; Rạch Mù U; Rạch Cái Xếp; Kênh số 9; Kênh Giữa An Bình B; Kênh Mười Độ (K. Biên giới Bình Thạnh)	Liên huyện		x
7	Kênh Cái Chay; Kênh Tràm Dơi	Liên huyện	x	
B	Kênh cấp 2			
1	Kênh Kỷ Sơn Kênh Công Sự Kênh Cây Đông Kênh Bà Mụ Kênh Công Điền	Cao Lãnh	x	
2	Rạch Xẻo Sinh; Kênh Xẻo Giáo; Kênh Bà Chủ; Kênh Cống Kho; Kênh Ngang; Kênh Xáng Phên; Kênh Ranh Nông Trường; Kênh Cái Bí	Cao Lãnh		x
3	Kênh Long An; Kênh Thầy Thuốc; Kênh Bép Tàng; Kênh Quán Lưu; Kênh Bà Phũ	Cao Lãnh	x	
4	Kênh Đập Đá; Kênh Năm; Kênh Mười Đồng; Kênh Đốc Hằng; Kênh K25; Kênh Lung Môn; Kênh Chòi Mòi; Kênh Đuôi Chuột; Kênh Lòng Hồ Ngoài; Kênh Lòng Hồ Trong; Kênh Cái Tre - Bảy Thước	Cao Lãnh	x	
5	Kênh Ông Kho; Kênh Tây; Kênh Thầy Nhượng; Kênh Đường Gạo; Kênh Tiêu Phên; Kênh Tư Sứ; Kênh Công Sự Kéo Dài; Kênh Thầy Thuốc; Kênh Bảy Thước; Kênh Ông Phú; Kênh Ông Chủ	Cao Lãnh		x
6	Rạch Giồng Sao; Rạch Xẻo Vạt; Rạch Miếu; Rạch Xóm Đồng; Rạch Chùa; Rạch Bằng Lăng - Chùm Hóa; Ngọn Cai Hạt; Rạch	Châu Thành	x	

TT	Công trình	Vị trí	Dự kiến xây dựng	
			2021-2025	2026-2030
	Cầu Nhỏ; Rạch Ông Mối; Mương Đường Voi; Kênh Bà Tơ; Rạch Địa Cá Trê; Kênh Tư Pháo; Rạch Ap; Rạch Đập Lớn - Công Sự; Rạch Hàng Mai; Rạch Thầy Đập; Khém Ông Tà; Rạch Cứu Khô; Rạch Tân Lễ - Cái Hom; Rạch Cái Gia Nhỏ			
7	Kênh Ba Làng; Rạch Bà Khôi- Miếu Trắng; Rạch Xẻo Lò Lớn; Rạch Sây; Rạch Bà Nhiên; Rạch Cây Trác; Kênh Mương Khai - Kênh Cùg; Kênh Cầu Vĩ; Rạch Bà Vạch; Rạch Cai Hạt; Rạch Xẻo Lãng; Rạch Bà Thiện; Kênh Ấp Lịch; Rạch Cống Phô - Miếu Trắng; Rạch Ông Qua; Rạch Cây Sộp; Kênh Ba Ngôn; Kênh 19/5; Rạch Hàn The; Rạch Bà Ngọc - Xóm Cưỡi; Rạch Bồn Buông; Kênh Miếu Bà; Rạch Đình; Kênh Ông Huyện; Rạch Cống Hai; Rạch Bờ Gáo; Rạch Bà Cưỡi	Châu Thành		x
8	Kênh Mương Lớn Long Khánh A, B; Kênh Lòng Trâu Ma Phú Thuận B; Kênh Địa Cát; Vàm Heo Nái; K. Cội Tiểu - Cội Đại	Hồng Ngự		x
9	Kênh Ông Chánh; Kênh Bờ Gáo; Kênh Mương Gòn; Kênh 30/4; Kênh Nhỏ; Kênh Tư Thưng; Kênh 27/7; Kênh Ranh Long Hưng B; K. Ranh Tân Phước - Long Hậu; Kênh Ngã Trên; Kênh Ngang; Kênh Thầy Năm; Kênh Bà Tám; Kênh Ông Tà; Kênh Xẻo Lò; Kênh Mương Khai (nhánh); Kênh Ranh Long Thắng; Kênh Hai Bé; Kênh Sáu Há; Kênh Cái Sơn; Kênh Lạc; Kênh Cây Bàng; Kênh Bảy Giũ; Kênh Thành Thới Hậu nối tiếp; Kênh Ranh Phong Hòa - Định Hòa; Kênh Cái Sao; Kênh Năm Thước; Kênh Hai Đức	Lai Vung	x	
10	Kênh Ba Làng; Kênh Vành Đai; Kênh Rạch Gộc; Kênh Cán Cờ; Kênh Rạch Chùa Rạch Lung; Kênh Rạch Đông; Kênh 26/3; Kênh Ông Bầu; Kênh Thầy Phở; Kênh Hai Trầu; Kênh Bà Bống; Kênh Nồi; Kênh Cây Đông; Kênh Vành Đai; Kênh Lộ Làng; Kênh Năm Thước; Kênh Quán Sự; Kênh Phên; Kênh Bà Ba Ta; Kênh Năm Nhự; Kênh Bún Tàu; Kênh 19/5; Kênh Ông Tụng; Kênh Mương Đình; Kênh Sáu Đào; Kênh Bờ Đai; Kênh Ngã Bát	Lai Vung		x
11	Kênh Ranh Tân Mỹ - Long Hưng A; Kênh Bà Đội; Rạch Ngã Cạy (BTT); Rạch Bà Chánh; Rạch Xẻo Đào - Xẻo Già; Mương Tiêu Lớn; Rạch Chùa Sâu; Rạch Thủ Cù - rạch Gầm; Kênh Cao Đài; Kênh Hùng Cường; Rạch Cán Gáo - Rạch Sâu; Rạch Tổng Điện; Rạch Cai Quàn; Rạch Ngã Cái (VT); Rạch Mương Khai; Rạch Mương Đông; Kênh Thủ Sự; Rạch Mát; Rạch Xẻo Tre; Kênh Dòn Đông; Kênh Bảy Nghiệp; Kênh Tư Ly; Kênh Sáu Dồi; Rạch Cái Nín; Sông Xáng Cũ; Kênh Tinh; Rạch Thầy Năm; Kênh Địa Gáo; Kênh Tập Đoàn 21.27; Mương Tư Tứ; Kênh 30/4; Mương Trâu Dưới; Kênh Gáo Dù; Kênh Thợ Hàn; Kênh ranh Long Hưng B	Lấp Vò	x	
12	Rạch Ba Cái; Rạch Cái Dâu; Rạch Đất Sét Nhỏ; Rạch Xếp Bà Dậy; Rạch Ngã Bát Lớn - Nhỏ; Rạch Mương Tư Đê; Mương Ban Bĩa; Kênh Bầu Nấm; Rạch Trà Bông; Rạch Ông Thắng; Rạch Xẻo Đào (LHB); Rạch Cái Dứa; Rạch Tân Lợi; Mương Chuông Bò; Mương Bộ Sỏi; Rạch Cai Bình; Rạch Xưởng; Rạch Đường Cầm; Mương Tắc Trên; Kênh Trục 1,2,3; Rạch Ngan; Rạch Trà Bông; Rạch Huỳnh Thuận; Rạch Chùa; Mương Tư Lem; Kênh Thủy lợi 1,2,3 MAHB; Rạch Chùa Cạn; Kênh Bầu Dừng; Kênh Thống Nhất; Kênh Thanh Bình; Rạch Bà Chùa Bà Năm; Cống Bà Chon	Lấp Vò		x
13	Rạch Cà Cái; Kênh Cà Dừa; Kênh Ông Đen; Rạch Hương Sao; Kênh Long Sa - Tịnh Hưng; Kênh Cà Xáng; Kênh Ông Hoàn; Kênh Khém Nhỏ (Đông Định); Kênh Cà Kịch; Rạch Khém Vườn; Rạch Khai Long; Khém Lớn - Hồ Tôm; Kháng Chiến (Mỹ Tâm); Kênh Ông Đen	TP. Cao Lãnh	x	

TT	Công trình	Vị trí	Dự kiến xây dựng	
			2021-2025	2026-2030
14	Kênh Đông Thạnh; Kênh Khém Lớn (Đông Hòa); Kênh Khém Lớn (Đông Định); Rạch Cầu Quych; Kênh Long Hoi; Rạch Cái Bí; Rạch Chanh; Kênh Ranh; Kênh Ông Cà; Rạch Cái Da; Rạch Long Sung	TP. Cao Lãnh		x
15	Kênh Ba Làng; Rạch Cao Mên Dưới; Rạch Xèo Dừa; Rạch Ruộng; Kênh Ranh (TKD-TQD); Rạch Tám Bê; Rạch Cái Bè Cạn; Kênh Sóng Rắn; Kênh Tập Đoàn 12	TP. Sa Đéc	x	
16	Rạch Thông Lưu Cạn; Kênh KC1; Rạch Rầy; Rạch Cao Mên Trên; Rạch Cái Dao Trên; Mương Hai Liều; Mương Ba Thín; Mương Trâm Bầu; Rạch Ngã Am; Rạch Thủ Diêm; Kênh 85; Rạch Mương Trâu	TP. Sa Đéc		x
17	Kênh Cá rô; Kênh Đường Tắc Ông Rền	TX. Hồng Ngự	x	
18	Kênh Cà Giáo; Kênh Kháng Chiến 2	TX. Hồng Ngự		x
19	Kênh Tư Đệ - Láng Chim; Kênh Phên; Kênh Lâm Vô; Kênh A4; Kênh Nông Trường; Kênh A3; Kênh Hồng Kỳ; Kênh mương lộ Cà Dâm; Kênh Ngọn Cà Nổ; Kênh áp Tân Lợi (HG)	Tam Nông	x	
20	Kênh Sáu Đạt; Kênh Cà Gốc; Kênh Thủy Điện; Kênh Me Nước; Kênh Ranh TCS-PC-TT. Tràm Chim; Kênh Dự án VL1; Kênh Gáo Đoi; Kênh Bờ Bao An Long - An Hòa; Kênh Nông Trường; Kênh Xẻo Gáo Đoi; Kênh ngọn Bờ Rập (N Cũ); Kênh Nhà Thương; Kênh Phên III; Kênh Đòn Đông; Kênh Bảy Bọ	Tam Nông		x
21	Kênh Cà Nổ; Kênh Cà Trạch; Kênh Cà Phòng; Kênh Bìm Bìm; Kênh Phên; Mương Bà Cả Khánh	Thanh Bình	x	
22	Kênh Cái Gáo; Kênh Tư; Kênh Cà Cường; Kênh Ông Cha; Kênh Láng Tượng; Kênh Voi Lửa; Kênh Bến Siêu; Kênh Lộ Ông Cha; Kênh Tu Tạo; Mương Chín Cứng	Thanh Bình		x
23	Kênh 1000; Kênh R1; Kênh 4 Thước Mỹ An; Kênh 9000; Kênh Trâm Bầu; Kênh Cái Lân; Kênh R3; Kênh Từ Bi; Kênh Phong Tắt; Kênh 1000 Thạnh Mỹ; Kênh 500 Thạnh Mỹ; Kênh Thanh Niên; Kênh Xáng Đốc Bình kiều; Kênh Bà Ba; Kênh Thủy Lợi Phên; Kênh Đầu Ngàn; Kênh Năm Khâm; Kênh Cây Vong; Kênh Kháng Chiến; Kênh Thần Ký; Kênh Phú Bình; Kênh 6 Tá Thạnh Lợi; Kênh Cánh Đồng Mầu; Kênh Tập Đoàn 7; Kênh 2m	Tháp Mười	x	
24	Kênh Hồng Kỳ; Kênh Bà Diên; Kênh Lê Phát Tân; Kênh 6 Thêm; Kênh Ông Tà Nằm; Kênh Sư Phạm 2; Kênh Phên; Kênh 500 Thạnh Lợi; Kênh Sư Phạm 1; Kênh Rộc Cái; Kênh Nhà Báo; Kênh 100 ấp Mỹ Phú; Kênh Ranh Nông Trường Động Cát; Kênh Ông Tà Đứng; Kênh BB Nông Trường Hồng Kỳ; Kênh Công Đá; Kênh Ba Đước; Kênh 600 Trường Xuân; Kênh 700 Tân Kiều; Kênh Tập Đoàn 5; Kênh út Điện; Kênh Ranh 500; Kênh Cùg 600; Kênh 4m; Kênh 500	Tháp Mười		x
25	Kênh Thành Lập; Kênh Cà Múi; Kênh Cà Tráp 2; Kênh Giồng Nhỏ; Kênh Lê Hùng	Tân Hồng	x	
VII	Hệ thống ô bao kiểm soát lũ			x
A	Ô bao KSL tháng 8			x
1	CL_4; CL_6; CL_8; CL_10; CL_14	Cao Lãnh	x	
2	CL_2; CL_3; CL_19; CL_21; CL_43; CL_47	Cao Lãnh		x
3	HN_10; HN_12; HN_6; HN_11	Hồng Ngự		x
4	TXHN_10; TXHN_12; TXHN_13; TXHN_4	TX. Hồng Ngự	x	
5	TXHN_15; TXHN_18; TXHN_21; TXHN_23; TXHN_24; TXHN_3	TX. Hồng Ngự		x
6	TN_21; TN_23; TN_32; TN_33; TN_35	Tam Nông	x	

TT	Công trình	Vị trí	Dự kiến xây dựng	
			2021-2025	2026-2030
7	TN_40; TN_41; TN_9; TN_12; TN_14; TN_17; TN_19; TN_34	Tam Nông		x
8	TB_7; TB_9; TB_12; TB_13; TB_16; TB_8; TB_17	Thanh Bình	x	
9	TB_18; TB_21; TB_35; TB_1; TB_2; TB_3; TB_6	Thanh Bình		x
10	TM_8; TM_18	Tháp Mười	x	
11	TH_13; TH_24; TH_2; TH_8	Tân Hồng	x	
12	TH_11	Tân Hồng		x
B	Ô bao KSL chủ động		x	
1	CL_32; CL_35; CL_36; CL_39	Cao Lãnh	x	
2	CL_40; CL_45; CL_46; CL_50; CL_51	Cao Lãnh		x
3	HN_1	Hồng Ngự		x
4	TXHN_2; TXHN_6; TXHN_14; TXHN_16	TX. Hồng Ngự	x	
5	TXHN_8; TXHN_9	TX. Hồng Ngự		x
6	TN_31	Tam Nông	x	
7	TN_5; TN_26; TN_20; TN_27	Tam Nông		x
8	TB_23	Thanh Bình	x	
9	TM_9; TM_14; TM_19; TM_21; TM_41; TM_30; TM_32; TM_36; TM_43; TM_50; TM_52; TM_12; TM_29; TM_31; TM_33; TM_35; TM_56	Tháp Mười	x	
10	TM_7; TM_11; TM_24; TM_26; TM_27; TM_38; TM_42; TM_53; TM_48; TM_49; TM_51; TM_2; TM_15; TM_37; TM_39; TM_55	Tháp Mười		x
11	TH_3; TH_4; TH_17; TH_19; TH_21	Tân Hồng	x	
12	TH_25; TH_5; TH_12; TH_18	Tân Hồng		x
C	Ô bao KSL triệt để			
1	CL_25; CL_26; CL_28; CL_29; CL_30; CL_31; CL_54	Cao Lãnh	x	
2	CL_9; CL_11; CL_13; CL_15; CL_18; CL_23; CL_24; CL_58; CL_59; CL_64; CL_66; CL_67	Cao Lãnh		x
3	CT_6; CT_7; CT_9; CT_11; CT_14; CT_18	Châu Thành	x	
4	CT_21; CT_23; CT_25; CT_26; CT_29; CT_30; CT_33; CT_1	Châu Thành		x
5	HN_2; HN_5	Hồng Ngự		x
6	LVu_27; LVu_6; LVu_11; LVu_14; LVu_18; LVu_19; LVu_5	Lai Vung	x	
7	LVu_24; LVu_25; LVu_28; LVu_2; LVu_9	Lai Vung		x
8	LVo_12; LVo_16; LVo_17; LVo_22; LVo_26; LVo_1; LVo_2; LVo_10	Lấp Vò	x	
9	LVo_14; LVo_28; LVo_30; LVo_31; LVo_6; LVo_8	Lấp Vò		x
10	LH_8; LH_1	Lấp Vò, Lai Vung	x	
11	TPCL_12; TPCL_13; TPCL_1; TPCL_5; TPCL_7; TPCL_8	TP. Cao Lãnh	x	
12	TPCL_6; TPCL_11; TPCL_2	TP. Cao Lãnh		x
13	TPSD_2	TP. Sa Đéc	x	
14	TPSD_4; TPSD_5	TP. Sa Đéc		x
15	LH_2	TP. Sa Đéc, Châu Thành	x	

TT	Công trình	Vị trí	Dự kiến xây dựng	
			2021-2025	2026-2030
16	LH_5	TP. Sa Đéc, Lai Vung	x	
17	TXHN_5	TX. Hồng Ngự	x	
18	TN_2	Tam Nông		x
19	TB_29	Thanh Bình	x	
20	TB_22; TB_27; TB_34	Thanh Bình		x
21	LH_11	Thanh Bình, Tam Nông		x
22	TM_45	Tháp Mười	x	
23	TM_46	Tháp Mười		x

Phụ lục 3: Danh mục hệ thống công trình cần đầu tư giai đoạn sau năm 2030

TT	Công trình	Vị trí
I	Hệ thống công trình chuyển lũ sang VCT	
1	K. Đồng Tiến - Lagrange	Liên huyện
2	K. An Phong - Mỹ Hòa	Liên huyện
3	K. An Bình	Liên huyện
II	Hệ thống công trình điều khiển lũ tràn biên giới	
1	Trần Trà Đur	Hồng Ngự
2	Trần Trung Tâm	Hồng Ngự
III	Hệ thống kênh nối sông Tiền - sông Hậu	
1	K. Nha Mân - Tư Tãi	Liên huyện
2	K. Muong Khai	Liên huyện
3	K. Cần Thơ - Huyện Hàm	Liên huyện
4	K. Xẻo Mát - Cái Vồn	Liên huyện
IV	Nạo vét hệ thống kênh các cấp còn lại	
A	Kênh cấp 1	
1	Kênh Tân Thành; Kênh Hai Ngộ - Phương Thịnh; Kênh Gáo Giồng; Kênh Tứ Thường; Kênh Cả Đức - Vạn Thọ - Bà Bạch; Rạch Chùa - Gia Vàm - Lung Độn; Kênh Tân Công Chí; Rạch Gò Dầu-Cai Châu; Kênh 91-94; Sông Cái Sao Thượng (Sông Đình Trung); Kênh Lộ 30/4; Kênh Nam Hang - Cái Sách; Kênh An Tiến; Kênh 25; Kênh Bờ Rào Nước Xoáy; Rạch Đất Sét; Kênh Hộ Bà Nương - Cái Bần Dưới; Kênh Cù; Kênh Cô Hai; Rạch Sa Nhiên; Kênh Xáng Thanh Mỹ; Kênh Ba Vinh Xẻo Tre - Muong Tắc; Kênh Hội Kỳ II; Kênh Cống Trục; Kênh Ông Phú; Kênh Mỹ Phước; Kênh Ông Đốc; K. Rau Cần - Xã Khánh; Rạch Mù U; Rạch Sông Tiên; Rạch Gổ Đền; Kênh 26/3; Kênh Xáng Mới; Kênh Cái Chanh; Rạch Thủ Ô - Kênh Tư; Kênh Ranh Ph.Điền - Thanh Mỹ; Rạch Ba Răng; Kênh Điền Tây Trên; Kênh Đòn Đông; Kênh Giáo Giáp; Kênh Mười Tạ; Rạch Xếp Muong Đào; Kênh Long Thành; Kênh Bắc; Kênh K3; Kênh Trâm Bầu; Kênh Nhà Hay; Kênh Giao Thông; Kênh Cái Bần Trên; Kênh Cái Sơn; Kênh Cô Be Mới; Rạch Hồ Chú Cang; Kênh Ông Hai; Kênh Ông Hộ; Kênh Mỹ Thọ; Kênh Hòa Tây; Kênh Tây; Rạch Cá Chốt; Kênh 1000 Mỹ Hòa; Kênh Hòa Đông; Rạch Muong Khai; Rạch Vàm Đình; Kênh Cá Oanh; K. Bà Thăm; Kênh Mộc Rá; Ngọn Sầm Sai; Kênh Bình Thạnh 2; Kênh Muong Lớn An Bình A	Liên huyện
B	Kênh cấp 2	
1	Kênh Giữa; Kênh Máy Đèn; Kênh Hai Quang; Rạch Muong Đào; Kênh Bảy Thước; Kênh út Liễu; Kênh Ông Huyện; Kênh Ngã Tư Nhỏ; Kênh Cá Rô; Kênh Trâm Bầu; Kênh K.5; Kênh Cái Bảy; Muong Lộ; Kênh Muong Trâu - Hai Quang; Kênh Hàng Bần; Rạch Phiêu; Kênh Lò Rèn; Kênh Bằng; Kênh Nhà Xuyên; Kênh Ông Cả; Kênh Cả Đức; Kênh Cả Mác; Kênh Cái Bứa Trên	Cao Lãnh
2	Rạch Cần Thơ; Rạch Cầu Xây; Rạch Báu; Kênh Thủy Lợi (Ranh); Kênh Bà Thăm (nhánh); Rạch Bà Thiều - Bà Tây; Rạch Ông Đại - Muong Trâu; Rạch Gia; Rạch Ông Quảng; Muong Nhà Thờ; Kênh Kim Ba; Rạch Kênh Cù; Kênh 18/5; Kênh Thầy Năm; Kênh Thủy lợi; Rạch Địa Rúng; Kênh Xẻo Cui; Rạch Cây Gáo - Bờ Cấn; Kênh Cai Trượng; Rạch Ông Hòn; Rạch Xóm Rượu; Kênh Tám Táp; Kênh Thủy Lợi Năm Cụt; Kênh Xẻo Dời; Rạch Lãnh Lân; Khém Cồn Nổi; Rạch Đình Tân Lễ; Kênh Thủy Lợi	Châu Thành
3	Kênh Sườn 2; Muong Ba Chánh	Hồng Ngự
4	Kênh Ngã Cay; Kênh Bằng Lăng; Kênh Rạch Miều; Kênh Bằng Lăng; Kênh Bà Lớn; Kênh Ranh Tân Thành - T. Phước; Kênh Bà Đài; Kênh Cái Sơn; Kênh 26/3; Kênh ả Lài; Kênh Ngã Dưới; Kênh Ông Tiểu; Kênh Ông Quỳnh; Kênh Muong Ngay; Kênh Ba Vọng; Kênh Mười Thước; Kênh Bạc Hà; Kênh Xẻo Nga; Kênh 30/4; Kênh 26/3; Kênh Muong Tinh; Kênh Hai Chơ; Kênh Ban Biên; Kênh Đòn Đông	Lai Vung
5	Kênh Ranh Muong Mã; Rạch Xẻo Sung - Rạch Dực; Rạch Tòng Sơn; Muong Giữa; Kênh Đồn Điền; Kênh Ngã Cái; Rạch Múc; Rạch Nước Cháy; Rạch Cái Tắc; Rạch Ba	Lấp Vò

TT	Công trình	Vị trí
	Trôm; Mương Tư Chiêu; Kênh Nối An Ninh; Mương Sáu Thước; Rạch Ngã Cũ; Kênh số 11; Kênh 30/4; Rạch Trầu; Ngọn Cà Ván; Mương Trâu Trên; Kênh Phó Xã; Kênh Trục Vĩnh Hưng	
6	Kênh Ông Kho; Rạch Quảng Khánh; Kênh Long Sa - Rạch Miếu; Kênh Kháng Chiến; Rạch Cái Tôm Trên; Rạch Miếu; Rạch Dầu; Kênh áp Chiến Lược; Rạch Long Sa; Kênh lộ Mới	TP. Cao Lãnh
7	Rạch Cái Sơn - kênh 19/5 (TKD); Rạch Chùa; Rạch Nàng Hai; Rạch Ngã Cạy; Rạch Bà Khoa (Cai Khoa); Rạch Cái Dao Dưới; Mương Sáu Hiếu; Rạch Bà Nhị; Kênh Văn Hường; Rạch Xẻo Tre; Rạch Dầu; Rạch Bà Chủ; Rạch Xẻo Tre (mương ranh)	TP. Sa Đéc
8	Kênh Mười Xinh; Kênh Hậu Thị Trán	TX. Hồng Ngự
9	Kênh A5; Kênh Từ Thiện; Kênh Tà Thơi; Kênh Ranh Phú Hiệp - Phú Đức; Kênh Tổng Đài; Kênh Cầu Sắt; Kênh Dự án VL2; Kênh Hậu Cùm Dân Cư (áp 3 TT. TC); Kênh Ranh Tân Công Sính - Phú Cường; Kênh tiểu vùng K11 -K12; Kênh Phú Thọ; Kênh Ô số 30	Tam Nông
10	Kênh Cà Diêm; Kênh Mũi Tàu; Kênh Rọc Sen; Kênh Cà Cái; Kênh Cà Khánh; Kênh Phóng Mễ; Kênh Hồ Nổ	Thanh Bình
11	Kênh R2; Kênh Mười Tạ; Kênh Háng Nước Mắm; Kênh Bảy Thước; Kênh 7 Bồng; Kênh Hậu 700 Thanh Lợi; Kênh 8 Kiểu; Kênh 500 Phú Diên; Kênh 5 Thước; Kênh Giáo Giáp (Hưng Thạnh); Kênh 500 Thanh Mỹ; Kênh Nông Trường Động Cát; Kênh 7 Nhàn; Kênh Tập Đoàn 3; Kênh 200 Tân Kiểu; Kênh Ba Sơn; Kênh Cùng Hai Non; Kênh 3m	Tháp Mười
12	Kênh Cù Lai; Kênh Bắc Viện; Kênh Cụt; Kênh Sa Trung	Tân Hồng
V	Hệ thống ô bao kiểm soát lũ	
A	Ô bao KSL tháng 8	
1	CL_5; CL_7; CL_17; CL_44; CL_52	Cao Lãnh
2	HN_7	Hồng Ngự
3	TXHN_11; TXHN_17; TXHN_19; TXHN_20; TXHN_22; TXHN_1	TX. Hồng Ngự
4	TN_4; TN_28; TN_39; TN_42; TN_1; TN_13; TN_15; TN_29	Tam Nông
5	TB_11; TB_14; TB_20; TB_4; TB_15	Thanh Bình
6	TM_13; TM_20	Tháp Mười
7	TH_9; TH_22; TH_14	Tân Hồng
B	Ô bao KSL chủ động	
1	CL_33; CL_37; CL_41; CL_48	Cao Lãnh
2	HN_13	Hồng Ngự
3	TN_6; TN_24	Tam Nông
4	TM_6; TM_10; TM_16; TM_23; TM_25; TM_28; TM_34; TM_40; TM_47; TM_54; TM_3	Tháp Mười
5	TH_1; TH_6; TH_20; TH_27; TH_16	Tân Hồng
C	Ô bao KSL triệt để	
1	CL_57; CL_61; CL_65	Cao Lãnh
2	CT_5; CT_8; CT_13; CT_20; CT_24; CT_28; CT_32; CT_3	Châu Thành
3	LH_9	Hồng Ngự, Thanh Bình
4	LVu_8; LVu_16; LVu_20; LVu_26; LVu_4; LVu_10	Lai Vung
5	LVo_15; LVo_20; LVo_21; LVo_24; LVo_29; LVo_33; LVo_5; LVo_9	Lấp Vò
6	LH_3	Lấp Vò, Lai Vung
7	TPCL_10; TPCL_14; TPCL_15; TPCL_4; TPCL_9; TPCL_3	TP. Cao

TT	Công trình	Vị trí
		Lãnh
8	LH_10	TP. Cao Lãnh, Cao Lãnh
9	TPSD_1	TP. Sa Đéc
10	LH_7	TP. Sa Đéc, Châu Thành & Lai Vung
11	LH_6	TP. Sa Đéc, Lai Vung
12	TXHN_7	TX. Hồng Ngự
13	TN_18	Tam Nông
14	TB_30; TB_31; TB_19	Thanh Bình
15	TM_44	Tháp Mười